

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 19/HĐBT NGÀY 23-3-1983

QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH PHÁP LỆNH SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THUẾ CÔNG THƯƠNG NGHIỆP.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;**Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi một số điều về thuế công thương nghiệp ngày 26 tháng 2 năm 1983.***NGHỊ ĐỊNH****I. THUẾ MÔN BÀI.**

Điều 1. - Tất cả các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp thuộc diện nộp thuế theo Điều lệ thuế công thương nghiệp và Điều lệ thuế hàng hoá đều phải nộp thuế môn bài.

Nông dân hay nhân dân thành thị làm nghề phụ gia đình không phải nộp thuế môn bài; nếu kinh doanh có tính chất chuyên nghiệp hoặc nửa chuyên nghiệp thì phải nộp thuế môn bài.

Điều 2. - Căn cứ để xác định mức thuế là thu nhập (doanh thu trừ chi phí, nhưng chưa trừ suất miễn thu) của cơ sở kinh doanh công thương nghiệp.

Các hộ kinh doanh riêng lẻ nộp thuế môn bài theo các bậc thuế như sau:

Bậc thuế	Thu nhập 1 tháng	Mức thuế cả năm
1	Trên 5000 đồng	5000 đồng
2	Trên 3000 đến 5000 đồng	3000 đồng
3	Trên 2000 đến 3000 đồng	1000 đồng
4	Trên 1000 đến 2000 đồng	500 đồng

5	Trên 500 đến 1000 đồng	200 đồng
6	Từ 500 đồng trở xuống	100 đồng

Các tổ chức kinh tế tập thể và công tư hợp doanh chia lãi nộp thuế môn bài theo các bậc thuế như sau:

Bậc thuế	Thu nhập 1 tháng	Mức thuế cả năm
1	Trên 50000 đồng	5000 đồng
2	Trên 20000 đồng đến 50000 đồng	3000 đồng
3	Trên 10000 đồng đến 20000 đồng	1000 đồng
4	Từ 10000 đồng trở xuống	500 đồng

Điều 3.- Thuế môn bài nộp tại nơi đặt cơ sở kinh doanh. Trong trường hợp có cơ sở kinh doanh phụ thì người kinh doanh nộp tại nơi đặt cơ sở kinh doanh chính. Nếu không có địa điểm kinh doanh cố định thì nộp tại nơi người kinh doanh cư trú.

Tổ chức hoặc cá nhân nào kinh doanh nhiều ngành, nghề khác nhau thì nộp thuế môn bài riêng cho từng ngành, nghề.

Những cơ sở kinh doanh đã nộp thuế môn bài, nếu thay đổi ngành, nghề, mặt hàng kinh doanh theo hướng Nhà nước khuyến khích, được phòng thuế quận, huyện chấp nhận thì được đổi môn bài mà không phải nộp lại thuế môn bài.

Những cơ sở kinh doanh đã nộp thuế môn bài, nếu di chuyển sang quận, huyện khác hoặc tỉnh, thành phố khác theo hướng Nhà nước khuyến khích thì được đổi môn bài tại phòng thuế quận, huyện nơi đến, theo giấy giới thiệu của phòng thuế quận, huyện nơi đi.

II. THUẾ DOANH NGHIỆP

Điều 4.- Việc sắp xếp các ngành, nghề kinh doanh vào các bậc thuế suất thuế doanh nghiệp quy định như sau:

Ngành, nghề	Thuế suất trên doanh thu (%)
I. Sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp	
1. Sản xuất thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng, phương tiện vận tải	3
2. Sản xuất các mặt hàng xuất khẩu	3
3. Sản xuất các loại hoá chất	3
4. Sản xuất đồ dùng dạy học, đồ dùng học tập, dụng cụ y tế dụng cụ thể dục thể thao, nhạc cụ, đồ chơi trẻ em	3
5. Khai thác đất, đá, cát, sỏi	3
6. Khai thác và chế biến than củi, chất đốt	3
7. Khai thác lâm sản; hải sản, thủy sản	3
8. Xay sát gạo, chế biến hoa màu	3
9. Chế biến bún, bánh mứt kẹo...	5
10. Sản xuất huy hiệu, hoa giấy, đèn giấy	5
11. Sản xuất các mặt hàng khác.	4
II. Sản xuất nông nghiệp không thuộc diện nộp thuế	

nông nghiệp	
Ấp vệt, sản xuất cá giống...	3
III. Ngành xây dựng	
1. Xây dựng nhà cửa, cửa xê, làm nề, làm mộc, quét vôi, sơn cửa	7
2. Làm các việc trên mà có thầu cả nguyên vật liệu	5
IV. Ngành vận tải	5
Trong đó vận tải bằng phương tiện thô sơ ở miền núi và trung du	3
V. Ngành phục vụ	
1. Các hợp tác xã và tổ phục vụ kinh doanh theo giá chỉ đạo của Nhà nước	5
2. Người lao động riêng lẻ phục vụ nhu cầu phổ thông	5
3. Vẽ quảng cáo, kẻ biển, sơn mạ huy hiệu, chụp ảnh...	9
4. Cho thuê phòng cưới, đồ cưới, các loại đồ dùng phương tiện khác	9
5. Kinh doanh khách sạn	9
6. Phục vụ các nhu cầu cao cấp về may đo, cắt tóc, uốn tóc nhuộm tóc, sửa sắc đẹp...	9
7. Phục vụ khác	7
Trong đó các cửa hàng, cửa hiệu lớn	9

VI. Ngành ăn uống	
1. Tiểu thương bán nước chè, quà bánh hoa quả, đi rong hay có quán hàng nhỏ; các cửa hàng bán những món ăn phổ thông của nhân dân lao động	6
2. Phòng trà, cà phê, hiệu cao lầu, cửa hàng đặc sản...	10
3. Kinh doanh ăn uống khác	8
Trong đó các cửa hàng, cửa hiệu lớn	10
VII. Ngành thương nghiệp	
1. Tiểu thương kinh doanh các mặt hàng vật, các mặt hàng tươi sống (trừ thịt)	6
2. Bán hương, nến, vàng mã, đồ trang trí, đồ trang sức, hàng ngoại...	10
3. Bán các loại hàng khác	8
Trong đó các cửa hàng, cửa hiệu lớn, chủ vừa	10

III. THUẾ LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

Điều 5.- Những người thường xuyên tham gia sản xuất kinh doanh được trừ xuất miễn thu như sau:

Địa phương	Suất miễn thu một tháng
1. Nội thành thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí	400 đồng